TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Chí Dựng

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1991. Có mặt tại phiên tòa.

ĐKHK: K, phường A1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1985

Địa chỉ: K, phường A1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã A1 (nay là phường A1, thị xã Kinh Môn), tỉnh Hải Dương vào ngày 08 tháng 9 năm 2009.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do đôi bên bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính tình không hợp, mỗi người một ý, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm, không có tiếng nói chung. Năm 2016, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, cuộc sống

hôn nhân không hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Anh Nguyễn Đức C trình bày: Anh kết hôn với chị Đỗ Thị D trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã A1 vào 08 tháng 9 năm 2009. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nhiều năm nay, chị D đã bỏ về nhà ngoại ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt. Nay chị D xin ly hôn, anh thấy tình cảm giữa đôi bên không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, nên anh không yêu cầu hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo quy định.

Về con chung: Chị D và anh C còn có hai con chung là cháu Nguyễn Đỗ Duy M, sinh ngày 27/6/2014 và cháu Nguyễn Đỗ Vân A, sinh ngày 23/4/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng chị D.

Nay chị D đề nghị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C nhất trí.

Cháu Nguyễn Đỗ Duy M có nguyện vọng xin được ở cùng chị D.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Không có gì, chị D và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường A1 cung cấp: Chị D và anh C đăng ký kết hôn tại UBND phường A1. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện chị D không còn sống chung cùng anh C. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh C và nuôi dưỡng con chung, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không có quan điểm trình bày thêm.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã cơ bản chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

- *Về con chung:* Giao hai cháu Nguyễn Đỗ Duy M, sinh ngày 27/6/2014 và cháu Nguyễn Đỗ Vân A, sinh ngày 23/4/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự

nguyện của chị Đỗ Thị D không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Đỗ Thị D đối với anh Nguyễn Đức C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại K, phường A1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh Nguyễn Đức C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức C là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D kết hôn với anh Nguyễn Đức C trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị D đề nghị xin ly hôn anh C, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2016, chị D bỏ về nhà ngoại ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ quan điểm được ly hôn. Anh C cũng nhất trí và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn giữa chị D và anh C đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không còn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Đức C là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh C còn có hai con chung là cháu Nguyễn Đỗ Duy M, sinh ngày 27/6/2014 và cháu Nguyễn Đỗ Vân A, sinh ngày 23/4/2016. Xét nguyện vọng của cháu M phù hợp với quan điểm nuôi dưỡng con chung của chị D và anh C, cũng như quá trình thực tế nuôi dưỡng hiện nay của chị D và anh C, nên chấp nhận giao hai cháu M, Anh cho chị D nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho hai cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có gì, đôi bên không yêu cầu nên không giải quyết đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Đức C.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Đỗ Duy M, sinh ngày 27/6/2014 và cháu Nguyễn Đỗ Vân A, sinh ngày 23/4/2016 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Không có gì, các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0001097 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị D đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Lạc Long;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền